

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY ĐỐI VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI KỲ 2011 – 2020

PGS TS Ngô Doãn Vịnh
PGS TS Bùi Tất Thắng
Viện Chiến lược phát triển, Bộ KH&ĐT

(Bài đã đăng trên Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Số 1, tháng 1/2009 (441); tr. 17-20).

I. Đối với chủ đề tư tưởng của chiến lược

Việt Nam đã thực hiện hai chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội đầu tiên (1991 – 2000) được xây dựng trong bối cảnh đất nước vừa trải qua thời kỳ khủng hoảng sâu sắc. Nền kinh tế trì trệ, lạm phát cao và kéo dài, đời sống nhân dân sút kém..., trong khi tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, mà đỉnh điểm là hệ thống các nước XHCN sụp đổ. Trong bối cảnh ấy, chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội 1991 – 2000 đã xác định chủ đề là “Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000”, với mục tiêu tổng quát là: “Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ 21. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990”.

Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội lần thứ hai (2001 - 2010) hiện đang thực hiện, được xây dựng trong bối cảnh “phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã được thực hiện” thắng lợi và “đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội”. Trên thế giới, quá trình toàn cầu hoá kinh tế tăng nhanh, nền kinh tế tri thức hình thành và phát triển, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động, nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn.... Trong bối cảnh ấy, chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội 2001 – 2010 đã xác định chủ đề là “Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp”. Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 có mục tiêu tổng quát của là: “Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao”.

Cách xác định chủ đề của hai chiến lược nêu trên đã thể hiện những nhiệm vụ đặc thù của thời kỳ chiến lược, thể hiện tính nhất quán về đường lối của Đảng, khát vọng của nhân dân và phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Kế thừa và tiếp tục dựa trên cách tiếp cận này, nhiều ý kiến cho rằng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm sắp tới (2011 – 2020) nên tiếp tục lấy là: “Xây dựng Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”.

Bản chiến lược có sứ mạng cụ thể hóa một bước Cương lĩnh của Đảng, vạch ra chủ trương đường lối phát triển kinh tế - xã hội cho một thời kỳ nhất định (10 năm), tạo ra sự thống nhất về nhận thức và hành động, dẫn dắt và khích lệ mọi người hăng hái tham gia với tất cả sức lực của mình vì sự phát triển của chính mình và toàn xã hội.

Một lưu ý rất quan trọng là theo cách làm truyền thống ở Việt Nam, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được xây dựng cho thời kỳ 10 năm. Khuôn khổ thời gian này về nhiều phương diện là không dài, nên không thể làm tất thảy mọi việc trong kỳ chiến lược, nhất là trong điều kiện kinh tế còn kém phát triển, nguồn lực bị hạn chế. Vì vậy, trong việc hoạch định đường lối chiến lược, nhất thiết phải lựa chọn các vấn đề lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với phát triển để giải quyết trong phạm vi thời gian 10 năm mà chiến lược bao quát.

2. Những vấn đề lớn đối với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Tạo những “cú hích” mạnh (big push) làm xoay chuyển tình thế, thúc đẩy xu thế

Mỗi thời kỳ chiến lược, sự phát triển kinh tế - xã hội có những nhiệm vụ mà việc giải quyết chúng, thường cần những “cú hích” (big push) đủ mạnh, làm thay đổi hẳn cục diện, tạo ra sự bứt phá cần thiết cho sự phát triển.

Vậy những “cú hích” nào có thể giúp nền kinh tế Việt Nam xoay chuyển tình thế lạc hậu, kém phát triển, năng suất thấp, tiến nhanh đến hiện đại hóa? Kinh nghiệm lịch sử của nhiều nước CNH thành công trước đây là hình thành những ngành (lĩnh vực, sản phẩm) chủ lực hay mũi nhọn, gắn với hệ thống doanh nghiệp mạnh và những vùng lãnh thổ động lực. Thực tế này cũng dựa trên căn cứ lý thuyết về sự phân công lao động xã hội (theo ngành và theo lãnh thổ) không chỉ trong phạm vi mỗi nền kinh tế mà còn cả trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt dưới tác động to lớn và mạnh mẽ của tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Như vậy, có thể coi việc hình thành những ngành kinh tế chủ lực và lãnh thổ động lực là những “cú hích” mạnh của chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020.

2.2. Tìm ra chỗ cản trở để đột phá

Tình trạng yếu kém, tình thế phát triển khó khăn, đều có những căn nguyên sâu xa của nó. Những căn nguyên ấy chính là những cản trở, nhẹ thì gây kìm hãm, ách tắc, nặng thì triệt tiêu động lực, thậm chí hủy hoại sự phát triển. Chúng tôi chia sẻ với nhiều ý kiến cho rằng, chỗ cản trở phát triển, căn nguyên của tình thế lạc hậu, kém phát triển, năng suất thấp ở Việt Nam là những yếu tố như thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, thiếu hệ thống kết cấu hạ tầng (đồng bộ và hiện đại), và thiếu các doanh nghiệp kinh doanh hiện đại mà linh hồn của nó là các doanh nhân.

- Nhân lực chất lượng cao

Ngay trong Lời nói đầu của cuốn “Nhân sự - Chìa khóa của thành công” Jinji Mangekyo - 1977), ông Matsushita Konosuke (1894 – 1969), người sáng lập tập đoàn Matsushita, một trong số 20 nhà doanh nghiệp tài ba, lỗi lạc nhất thế kỷ XX của Nhật Bản – đã viết: “Người ta thường nói: “sự nghiệp thành hay bại đều do con người”. Qua kinh nghiệm tạo dựng sự nghiệp mà bản thân và tất cả các cộng sự tham gia, tôi thấy hoàn toàn đúng. Có thể nói, sự nghiệp là cái mà con người là trung tâm của sự phát triển, thành hay bại đều do có chiêu mộ được nhân tài phù hợp hay không?”

Dù là công ty có truyền thống và nội dung sự nghiệp tốt đẹp, nếu không tìm được nhân tài phù hợp để gánh vác truyền thống ấy, sẽ dần dần bị suy thoái, do đó, công ty nào cũng quan tâm tới vấn đề rất hệ trọng đào tạo người, cụ thể là chú ý đến việc tìm người, giáo dục người và phát huy năng lực trí tuệ của họ. Chỉ có những nơi thành công trong việc này, doanh thu mới tăng cao và phát triển mạnh mẽ” (*Matsushita Konosuke: Nhân sự - Chìa khóa của thành công. NXB Giao Thông, Hà Nội 1999; tr. 7*).

Đối với sự nghiệp phát triển của một công ty đã vậy, đối với sự nghiệp phát triển của một quốc gia lại càng như vậy.

Ở Việt Nam, vấn đề nhân lực chất lượng cao từ lâu đã được đặc biệt coi trọng. “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết...” (*Bia tiến sĩ đầu tiên khoa Nhâm Tuất (1442) tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám*). Năm 1788, trong “Chiếu lập học”, vua Quang Trung (1753 – 1792), đã viết: “Dựng nước lấy việc học làm đầu, trị nước lấy nhân tài làm gốc”. (Kiến quốc dĩ học vi tiên, cầu trị nhân tài vi cấp).

- Kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng luôn là điều kiện quyết định cho sự phát triển. Bởi vậy, trong kinh nghiệm thành công của các nền kinh tế mới công nghiệp hóa, đều có kinh nghiệm về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại đi trước một bước để tạo ra tiền đề vật chất cho quá trình phát triển nhanh và có hiệu quả. Trong điều kiện hiện đại, đối với một quốc gia có biển như Việt Nam, kết cấu hạ tầng hiện đại và đồng bộ chắc chắn không thể thiếu hệ thống cảng biển, trong đó phải có thương cảng lớn, các sân bay quốc tế, hệ thống đường cao tốc đối ngoại (đi ra các nước trong khu vực), hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cung cấp và truyền tải điện, cung cấp nước và xử lý chất thải.

Việc giải quyết những yếu kém về kết cấu hạ tầng sẽ tạo ra tiền đề phát triển vượt bậc của các loại hàng hóa, phát triển nông nghiệp, nông thôn, giảm chi phí sản xuất, chi phí gia nhập thị trường, giảm nhanh đói nghèo ở các vùng sâu, vùng xa và vùng cao.

- Doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp là những tế bào sống. Sự phát triển của doanh nghiệp quyết định sự hưng thịnh của nền kinh tế quốc gia và đời sống con người. Hiện doanh nghiệp đang là một trong những khâu yếu của nền kinh tế, thể hiện trên các mặt sau: quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, kinh nghiệm thương trường và tinh thần kinh doanh hạn chế.

Việt Nam cần có một hệ thống doanh nghiệp mạnh, kinh doanh có hiệu quả, đủ sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

2.3. Các trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2011 - 2020

- Đổi mới cơ cấu ngành nghề theo hướng hiện đại gắn với xây dựng nền kinh tế tri thức, có sức cạnh tranh cao, đem lại giá trị gia tăng và giá trị quốc gia lớn

+ *Đối với các ngành công nghiệp*, cần coi trọng công nghiệp công nghệ cao, sạch, có sức cạnh tranh cao, có sức thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác và có khả năng tham gia chuỗi giá trị và mạng lưới phân phối toàn cầu. Khuyến khích phát triển những ngành công nghiệp có ý nghĩa đầu tàu và cực kỳ quan trọng như công nghiệp năng lượng, điện tử, cơ khí chế tạo, dầu khí, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp sản xuất vật liệu (kể cả thép chất lượng cao), sản xuất dược phẩm... Thực hiện mạnh mẽ hơn, có hiệu quả hơn công nghiệp phụ trợ, tăng tỷ lệ nội địa hoá cũng như công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Hình thành những trung tâm công nghiệp lớn ở các vùng, miền trên cơ sở tập trung năng lực công nghiệp lớn và phân bổ công nghiệp hợp lý theo lãnh thổ ở từng vùng, từng tỉnh với tầm nhìn dài hạn.

+ *Đối với lĩnh vực dịch vụ*, nơi được xem là còn nhiều tiềm năng, phải tạo ra sự bứt phá lớn để thúc đẩy sự phát triển của cả nền kinh tế. Cần coi trọng phát triển dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn theo hướng hiện đại và có giá trị gia tăng lớn; phải đảm bảo các ngành dịch vụ có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng của các ngành sản xuất vật chất. Mở cửa và phát triển hợp tác quốc tế mạnh mẽ để xây dựng được các dịch vụ cơ bản đem lại giá trị lớn, có giá trị quốc gia và hiệu quả cao và tham gia mạnh vào phân công lao động quốc tế; đồng thời phát triển hiệu quả cả đối với dịch vụ công và dịch vụ thu lợi nhuận. Ưu tiên phát triển tài chính ngân hàng, du lịch, vận tải, giáo dục đào tạo, chữa bệnh, viễn thông, khoa học công nghệ, dịch vụ công, tư vấn, thiết kế, tổ chức thi công... Nhanh chóng hiện đại hoá lĩnh vực xây dựng để đủ sức đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và tiến tới có thể xuất khẩu.

+ *Đối với sản xuất nông nghiệp*, cần nhanh chóng và kiên quyết từng bước chuyển từ nông nghiệp truyền thống là chủ yếu sang nông nghiệp dựa trên nền tảng công nghệ cao để tăng nhanh giá trị làm ra trên mỗi ha đất nông nghiệp, tạo ra nhiều việc làm và nuôi sống được nhiều người dân. Phát huy lợi thế so sánh của Việt Nam hình thành nền nông nghiệp sinh thái, sạch với một số sản phẩm tiêu biểu có khối lượng hàng hoá lớn, chất lượng cao trên cơ sở đổi mới tập đoàn giống, áp dụng quy trình canh tác mới, đảm bảo thủy lợi một cách chủ động, tổ chức sản xuất hợp lý theo hướng sản xuất tập trung nhờ phát triển các vùng chuyên môn hoá gắn với phát triển công nghiệp chế biến để hình thành các tổ hợp nông - công nghiệp, các trang trại. Tiêu thụ sản phẩm theo hướng có tổ chức và phối hợp quốc tế. Ưu tiên phát triển lúa gạo, cà phê, cao su, cây ăn trái đặc sản, cá nuôi đặc sản, bò sữa, lợn, gia cầm...

+ *Đối với lâm nghiệp*, cần đổi mới căn bản phương thức sản xuất theo hướng tổ chức sản xuất hiện đại trên cơ sở xây dựng các vùng rừng nguyên liệu phù hợp với điều kiện nhiệt đới sinh khối lớn gắn với công nghiệp chế biến công nghệ cao để phát huy tiềm năng đất lâm nghiệp, nhằm tạo ra nhiều việc làm cho người lao động và nuôi sống được nhiều người cũng như tạo ra nhiều giá trị trên mỗi ha lâm nghiệp. Đặc biệt coi trọng và xây dựng được các khu rừng phòng hộ, nâng tỷ lệ rừng che phủ lên mức trên 60% để giữ vững môi trường sinh thái và giảm thiểu thiên tai lũ lụt từ việc đất trống đồi trọc quá nhiều.

+ *Đối với thủy sản*, cần cải tiến triệt để phương thức và cách thức tổ chức sản xuất để phát huy tốt nhất diện tích mặt nước và vùng biển của quốc gia cũng như vùng biển quốc tế. Trên cơ sở đổi mới công nghệ thâm canh cao trong nuôi trồng và trang bị công nghệ thăm dò ngư trường đánh bắt hải sản để gia tăng hiệu quả nghề cá. Đẩy mạnh việc ra khơi xa đánh bắt kết hợp chế biến cá biển mang lại giá trị lớn là hướng ưu tiên quan trọng. Ngư dân phải được tổ chức và đảm bảo an ninh, an toàn; các hoạt động trên biển phải được sự trợ giúp của công nghệ cao để định hướng đánh bắt và đánh bắt quy mô lớn gắn với chế biến.

- Phát triển doanh nghiệp

Doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất tạo ra thịnh vượng kinh tế của đất nước. Vì vậy, Việt Nam phải có một chiến lược phát triển doanh nghiệp đủ tầm, đủ mức. Trong thời kỳ chiến lược tới phải khuyến khích phát triển doanh nghiệp dưới mọi hình thức, không phân biệt thành phần kinh tế và quy mô kinh doanh, trong đó đặc biệt khuyến khích phát triển các doanh nghiệp áp dụng trình độ công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện với môi trường. Nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng tham gia và nâng cấp vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu, xây dựng thương hiệu Việt Nam trên thương trường quốc tế.

- Xây dựng xã hội sáng tạo

Sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của Đảng cùng với sự sáng tạo của toàn dân sẽ tạo ra một xã hội được tổ chức và có năng lực xã hội cao. Đồng thời, cần xây dựng những con người mới phát triển toàn diện với các giá trị đạo đức mới, có tinh thần trách nhiệm cao đối với đất nước, sống có lý tưởng, yêu nước, tôn trọng lẫn nhau, không cam chịu nghèo hèn và cùng nhau xây dựng đất nước thịnh vượng; mọi người sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật mà cụ thể là sống có kỷ cương, kỷ luật và biết tôn vinh những người có công đối với sự nghiệp xây dựng đất nước; đề cao những giá trị xã hội, sự công bằng, nền dân chủ, ý thức chân thành tín nghĩa.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển cao

Huy động các nguồn vốn để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, đồng bộ với phương châm có trọng tâm, trọng điểm và có bước đi thích hợp nhằm tạo ra nền tảng kết cấu hạ tầng vững chắc cho phát triển với quy mô lớn, trình độ cao. Trong đó, ưu tiên phát triển các cơ sở sản xuất năng lượng; một số thương cảng quốc tế và sân bay quốc tế cỡ lớn, hiện đại, nối kết với các thương cảng, sân bay quốc tế của các nước trên thế giới và trong khu vực; hoàn thành các tuyến đường giao thông cao tốc Bắc Nam, xuyên Á cũng như những tuyến nối kết các đầu mối giao thông lớn với các khu vực trong nội địa và mạng giao thông nối kết giữa các tỉnh, huyện, xã; hoàn chỉnh các mạng đường giao thông, mạng chuyển tải điện, mạng thông tin liên lạc tới những nơi xa xôi trên phạm vi cả nước để lan toả văn minh đô thị, văn minh công nghiệp, văn minh thương mại tới mọi miền của Tổ quốc; hoàn chỉnh hệ thống khám chữa bệnh, trường học, công trình văn hoá, thể thao cũng như mạng lưới cung nước, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, cảnh báo thiên tai trên tất cả các vùng và nhất là ở các đô thị lớn.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Bên cạnh việc hoàn thiện về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như Nghị quyết Ban Chấp hành TW Đảng lần thứ tư Khoá X đã xác định, phải đảm bảo có sự lãnh đạo của Đảng và có sự điều tiết của Nhà nước gắn với việc hoàn thiện hệ thống luật pháp đối với các lĩnh vực khác. Xây dựng được nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hình thành nền pháp chế xã hội chủ nghĩa với phương châm có được Nhà nước hiện đại có khả năng quản lý sáng suốt, minh bạch và có hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo chức năng lãnh đạo và điều hành thành công việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Việc hoàn chỉnh khung khổ pháp lý phải gắn với đổi mới nhanh, có hiệu quả kinh tế nhà nước làm cho nó giữ được vai trò phương tiện nòng cốt để điều tiết các vấn đề kinh tế vĩ mô. Gắn phát triển kinh tế nhà nước với việc phát triển mạnh kinh tế tập thể với các hình thức hợp tác đa dạng, tiến bộ và kinh tế hộ gia đình. Mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng trước các cơ hội tiếp nhận nguồn lực phát triển và trước pháp luật. Bên cạnh việc khuyến khích làm ăn chân chính thì kiên quyết giảm thiểu và tiến tới loại bỏ các hành vi gian lận, bất chính làm rối loạn nền kinh tế và tổn hại đến vị thế của đất nước.

- Xây dựng được nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với việc phát triển công nghệ hiện đại

Trong thời đại kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ và trở thành xu thế chung của nhân loại thì nhân lực và công nghệ là những yếu tố quyết định đối với phát triển kinh tế. Cả xã hội, trong đó đặc biệt mỗi doanh nghiệp phải có trách nhiệm xây dựng nhân lực chất lượng cao và tiềm lực công nghệ hiện đại.

Để có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước phải tiến hành cải cách lớn từ việc nâng cao thể chất con người từ lúc thai nhi đến thực thi kiên quyết công cuộc cải cách nền giáo dục, nền y tế, hệ thống thông tin đại chúng của quốc gia. Kiên quyết xây dựng được đội ngũ những người ra quyết định, lực lượng tham mưu và những người thực thi quyết định đã được ban hành có kỹ năng nghề

nghiệp ở trình độ cao và có lượng tâm, đạo đức tốt. Hình thành xã hội học tập và học tập vì sự phát triển chứ không phải học tập chỉ để lấy văn bằng một cách hình thức. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, trong đó công nghệ thông tin, gien và sinh học, vật liệu mới, Nano, công nghệ hải dương giữ vị trí hàng đầu.

- Phát triển theo lãnh thổ

Tạo ra sự phát triển hài hoà giữa các vùng, miền, lãnh thổ là yêu cầu bức thiết. Hai vấn đề hình thành lãnh thổ mang ý nghĩa đầu tàu (vai trò động lực) và xoá bỏ các lãnh thổ kém phát triển phải được xem là những nhiệm vụ phát triển kinh tế trọng yếu. Toàn bộ lãnh thổ quốc gia phải được kiến thiết theo hướng kết hợp tiến ra biển và tiến về khu vực phía Tây đất nước với việc khai thác hiệu quả, bền vững vùng đồng bằng, dải ven biển và khu vực miền núi để đảm bảo phát triển nhanh theo lãnh thổ được hài hoà và có tầm nhìn dài hạn.

+ Phát triển các lãnh thổ trọng điểm

Hai loại lãnh thổ được coi là trọng điểm đầu tư phát triển là lãnh thổ đầu tàu và lãnh thổ khó khăn. Đối với việc hình thành và phát huy các lãnh thổ đầu tàu mang ý nghĩa động lực: Tiếp tục hoàn thiện và phát huy các vùng kinh tế trọng điểm gắn với các khu kinh tế, các trung tâm tài chính, du lịch và các thành phố lớn; đồng thời phát triển các hành lang kinh tế, các hải đảo có tiềm năng kinh tế lớn. Các lãnh thổ này phải gắn kết chặt chẽ với các vùng xung quanh, hỗ trợ các vùng xung quanh phát triển. Đối với các lãnh thổ khó khăn (nhất là vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, hải đảo...) phải tăng cường hỗ trợ về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trung tâm cụm xã gắn với hệ thống chợ, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo lao động có kỹ năng nghề nghiệp... để các vùng này có thể phát triển nhanh hơn, đỡ khó khăn hơn, nhằm cải thiện đời sống nhân dân tại chỗ và góp phần tạo ra thế ổn định cho công cuộc phát triển chung. Tăng cường phát triển kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết của Ban Chấp hành TW lần thứ IV khoá X về Chiến lược biển và kết hợp xây dựng các lực lượng khai thác tài nguyên biển để phát triển kinh tế và giữ vững lãnh thổ quốc gia trên biển. Phát triển kinh tế biển chủ yếu dựa trên sự phát triển của các Tập đoàn kinh tế mạnh có liên quan tới biển, các lực lượng bảo vệ biển và mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế.

+ Phát triển ba khu vực lớn

Đối với Việt Nam, để phát huy có hiệu quả đặc điểm “Tam sơn tứ hải nhất phần điền”, nhất thiết chúng ta phải tận lực phát huy tốt cả khu vực trung du miền núi, đồng bằng, ven biển và biển để tạo ra sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển của đất nước. Đối với khu vực Trung du miền núi sẽ ưu tiên phát triển nông, lâm nghiệp hàng hoá quy mô ngày càng lớn gắn với phát triển công nghiệp khai khoáng, thủy điện. Đối với khu vực đồng bằng và dải ven biển phải tận dụng chiều cao không gian và nguồn lao động có kỹ năng nghề nghiệp để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp có trình độ công nghệ cao và có giá trị gia tăng lớn giữ vai trò xương sống cho nền kinh tế. Đối với biển phải triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị quyết TW 4; nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hình thành 4 lĩnh vực mũi nhọn đã được xác định trong Chiến lược biển cùng một số Tập đoàn kinh tế phát huy thế mạnh về biển của nước ta.

- Đảm bảo nguồn lực chủ yếu

Để thực hiện được mục tiêu đề ra nhất thiết phải có đủ nguồn lực, tập trung nguồn lực một cách hợp lý cho các mục tiêu chiến lược và tạo ra động lực để lôi cuốn mọi người sống, hành động vì sự phát triển của đất nước. Bên cạnh việc đặc biệt coi trọng sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực con người và nguồn thông tin phải biển trí tuệ của các nhà lãnh đạo, các giá trị của cơ chế, chính sách thành nguồn lực cho phát triển kinh tế.

- Mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế

Trong thời kỳ chiến lược 10 năm cũng như trong quá trình chấn hưng đất nước phải bám sát phương châm phát triển kinh tế đối ngoại để phát triển kinh tế trong nước, phát triển kinh tế trong nước để mở rộng kinh tế đối ngoại. Mở cửa và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế phải được xem là biện pháp đặc biệt quan trọng góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ của nước ta. Nó phải được thực hiện trên nguyên tắc cởi mở, đa phương, đa hình thức, đa tầng nấc, công bằng, bình đẳng, cùng có lợi với phương châm thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao; các nhà phân phối toàn cầu; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư ra nước ngoài đối với các lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế và nền kinh tế nước ta cần; mở rộng thị trường xuất khẩu và đa dạng hoá các thị trường nhập khẩu để có

thêm điều kiện giảm thiểu rủi ro. Mở cửa một cách hợp lý với bước đi thích hợp sẽ đảm bảo vững chắc cho sự phát triển kinh tế của nước nhà. Trong quá trình mở cửa phải có sự cân nhắc đầy đủ các yếu tố và có sự chủ động cần thiết để không ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh

Với phương châm chọn lựa có trọng tâm, trọng điểm, Việt Nam phải xác định đường lối tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh một cách thiết thực, hiệu quả. Trước hết, phải huy động tổng lực hệ thống chính trị, nhất là tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc; Cảnh giác với việc lợi dụng dân chủ, dân quyền, tôn giáo gây mất ổn định; phát hiện kịp thời và vô hiệu hoá các âm mưu gây rối, phá hoại của các lực lượng chống đối cách mạng nước ta một cách chủ động, linh hoạt ở thế tiến công. Mở rộng công tác ngoại giao cả đối với lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và phát triển mạnh cả hình thức ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân góp phần đảm bảo quốc phòng an ninh vững chắc. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, đối ngoại cho đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đồng thời, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận về quốc phòng an ninh trong tình hình mới. Mở rộng hợp tác quốc tế; tránh đối đầu, xung đột, bị cô lập và bị lệ thuộc; đồng thời tăng cường tuyên truyền đối với các nước về đường lối phát triển quốc phòng của nước ta.
